TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 123/2023/QĐST–DS	*Giồng Trôm, ngày 25 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 468/2023/TLST–DS ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc: "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm: 1961.
  Bà Triệu Thị P, sinh năm 1968
  Cùng địa chỉ: ấp Mỹ An, xã M, huyện G, tỉnh B.
- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn K, sinh năm: 1961.
  Bà Lê Thị L, sinh năm 1966.
  Cùng địa chỉ: ấp Mỹ An, xã M, huyện G, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Bùi Văn K và Bà Lê Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Ngô Văn T và Bà Triệu Thị P số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Thời gian trả tiền cụ thể như sau:

- Số tiền 10.000.000 đồng, trả trong thời gian 10 (mười) tháng, mỗi tháng trả số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng; Việc trả tiền được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, lần trả tiền đầu tiên là vào ngày 15/01/2024.

- Số tiền còn lại là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng, trả trong thời gian 09 (chín) tháng, mỗi tháng trả số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Việc trả tiền được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, lần trả tiền đầu tiên vào ngày 15/11/2024.

Nếu đến thời hạn trả tiền mà Ông Bùi Văn K và Bà Lê Thị L không thực hiện đúng như thỏa thuận thì Ông Ngô Văn T và Bà Triệu Thị P có quyền yêu cầu thi hành án một lần đối với số tiền mà Ông Bùi Văn K và Bà Lê Thị L còn phải trả.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Văn T và Bà Triệu Thị P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng. Tuy nhiên, Ông T thuộc trường hợp người cao tuổi nên Ông T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 625.000 (sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002600 ngày 30/11/2023. Hoàn lại cho Ông T, Bà P số tiền 1.875.000 (một triệu tám trăm bày mươi lắm nghìn) đồng.

Ông Bùi Văn K và Bà Lê Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng. Tuy nhiên, Ông K thuộc trường hợp người cao tuổi nên Ông K được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 625.000 (sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Đang